

SUY GIẢM KINH TẾ Ở VIỆT NAM: NGUYÊN NHÂN VÀ GIẢI PHÁP

*Phạm Văn Dũng**

1. Nguyên nhân suy giảm kinh tế

Suy giảm kinh tế ở nước ta hiện nay có nhiều nguyên nhân. Nguyên nhân đầu tiên - ai cũng biết - đó là khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Do toàn cầu hoá, các nền kinh tế phụ thuộc chặt chẽ lẫn nhau cả đầu vào và đầu ra. Khủng hoảng kinh tế toàn cầu tác động đến nền kinh tế Việt Nam trên 2 góc độ chủ yếu: suy giảm xuất khẩu và suy giảm sản xuất (hàng hoá sản xuất trong nước không cạnh tranh được với hàng hoá nhập khẩu giá rẻ). Từ đó, quy mô sản xuất bị thu hẹp, thất nghiệp gia tăng...

Suy giảm kinh tế còn có nguyên nhân nội tại của nền kinh tế. Năm 2007, Việt Nam đang chịu tác động từ sự tăng giá nhiên liệu và thực phẩm diễn ra trên phạm vi toàn cầu. Các nguyên liệu đầu vào như: phôi thép, hoá chất, chất dẻo, nguyên liệu dệt may... đều tăng giá ngoài mức dự báo của các cơ quan chức năng. Sự tăng giá của các hàng hoá đầu vào đã dẫn

đến sự gia tăng rất mạnh mẽ của hầu hết các hàng hoá khác. Giá tiêu dùng leo thang còn do thiên tai, dịch bệnh. Hạn hán, bão lụt, dịch cúm gia cầm: rét đậm, rét hại kéo dài... đã gây thiệt hại hàng ngàn tỷ đồng. Thiên tai, dịch bệnh đã ảnh hưởng không nhỏ đến lượng cung trên thị trường về lương thực, thực phẩm và làm tăng giá. Khi giá cả tăng cao, nhiều lĩnh vực sản xuất đã mở rộng quy mô quá mức. Đương nhiên, khi giá cả ổn định hoặc giảm xuống, quy mô sản xuất phải thu hẹp lại.

Năm 2007, kinh tế Việt Nam tăng trưởng với tốc độ khoảng 8.5% và là một trong những nền kinh tế tăng trưởng ấn tượng nhất ở châu Á. Với tốc độ tăng GDP cao như vậy, lượng tiền cho vay của các ngân hàng cũng tăng với tốc độ cao, tăng khoảng 37% trong năm 2007. Thêm vào đó, nhu cầu mua sắm các trang thiết bị và vật liệu xây dựng để phát triển cơ sở hạ tầng cũng tăng mạnh mẽ, đẩy mức độ rủi ro của một nền kinh tế phát triển quá nóng lên cao. Để kiềm chế lạm phát, chính phủ chủ trương kiểm soát giá những mặt

* Phó giáo sư, Tiến sĩ,
Trưởng Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

hàng quan trọng như: xăng dầu, điện, tân dược... Những mặt hàng quan trọng, do chịu sự kiểm soát giá của nhà nước, không được tăng giá hoặc tăng không kịp mức tăng chi phí đã làm cho doanh nghiệp giảm sút hoặc không còn lợi nhuận. Từ đó đã ảnh hưởng xấu đến đầu tư và tăng trưởng kinh tế.

Một nguyên nhân khác là tác động xấu của thị trường chứng khoán. Cuối năm 2006 và nửa đầu năm 2007, thị trường chứng khoán Việt Nam tăng điểm hết sức nhanh chóng. Chỉ số chứng khoán Việt Nam tăng nhanh chủ yếu do tăng giá. Sự tăng giá các loại cổ phiếu không hề phản ánh hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, mà do đầu cơ. Các ngân hàng thương mại ra sức rót tiền cho thị trường chứng khoán, thậm chí trực tiếp tham gia. Những nhân tố đó đã làm cho thị trường chứng khoán phát triển quá nóng và hút vào đây một lượng tiền rất lớn. Điều đó cũng có nghĩa là các hoạt động đầu tư cho lĩnh vực sản xuất, kinh doanh khác đã bị suy giảm đáng kể và góp phần vào tình trạng suy giảm kinh tế hiện nay.

Thị trường chứng khoán có quan hệ chặt chẽ với thị trường bất động sản. Cuối năm 2006 và nửa đầu năm 2007, các ngân hàng thương mại đã đẩy mạnh cho vay kinh doanh bất động sản. Điều này đã dẫn đến tình trạng đầu cơ bất động sản trở nên phổ biến. Sự ảm đạm lên và sốt cao của thị trường bất động sản đã hút một lượng tiền lớn từ các ngân hàng thương mại. Để hạ nhiệt, theo chỉ thị của Ngân hàng Nhà nước, các ngân hàng thương mại cũng hạn chế cho khách hàng vay vốn đầu tư vào đất đai, nhà ở... Điều đó lập tức ảnh hưởng đến thị trường bất động sản và thị trường chứng khoán. Một mặt, các nhà đầu tư dừng việc đầu tư vào thị trường

chứng khoán, hoặc bán chứng khoán ra để lấy tiền đầu tư vào bất động sản. Diễn biến đó lại tác động đến cung cầu chứng khoán trên thị trường. Chỉ số chứng khoán liên tục giảm, giá cổ phiếu xuống thấp, hàng loạt nhà đầu tư thua lỗ, rút vốn... gây tâm lý chán nản cho các nhà đầu tư. Rất nhiều nhà đầu tư rời sàn chuyển sang thị trường bất động sản và thị trường vàng.

Kể từ năm 2004, giá vàng thế giới đã bắt đầu tăng mạnh, cuối năm 2005 đã vượt 500 USD/Ounce. Năm 2006, tiếp tục có nhiều biến động lớn trên thị trường vàng quốc tế, giá vàng đã đạt mức 731 USD/Ounce vào tháng 5/2006. Trong năm 2007, giá vàng diễn biến hết sức khó lường và đến ngày 29/01/2008 đã chạm mức xấp xỉ 930 USD/Ounce. Giá vàng đã có lúc vượt 1.000 USD/Ounce. Kể từ đầu năm 2009, lượng vàng của SPDR Gold Trust, quỹ đầu tư vàng lớn nhất thế giới tăng 33%. Nhu cầu vàng tăng đáng kể còn do tác động trái chiều từ sự lên giá của đồng USD và khủng hoảng tài chính tiếp diễn, giá vàng tính bằng đồng USD bị "treo" trong khoảng 900 - 940 USD/Ounce hiện nay.¹ Giá vàng tăng cao đã hút một phần đáng kể nguồn vốn của các nhà đầu tư và của dân cư; ảnh hưởng đến đầu tư cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh khác. Giới kinh doanh vàng cho rằng nếu trừ đi một lượng vàng đã được xuất lậu ngược qua biên giới, số vàng trong dân còn khoảng 700 tấn thì trị giá không dưới 21 tỉ USD, theo thời giá hiện nay là 374.000 tỉ đồng.²

Ngoài những nguyên nhân trên đây, còn có nguyên nhân về cơ cấu đầu tư của nhà nước không hợp lý. Quá nhiều công trình của nhà nước được khởi công trong các năm 2006-2007 làm cho cầu vật liệu xây dựng tăng cao và đẩy giá tăng nhanh,

thậm chí "sốt". Do giá xi măng, sắt thép... tăng cao, hàng loạt công trình phải đình hoãn. Tính đến 15.7.2008, đã có 36 bộ, 64 địa phương và 31 tập đoàn, tổng công ty 90, 91 báo cáo về tình hình rà soát, sắp xếp vốn đầu tư phát triển. Trong đó, tổng số công trình, dự án sử dụng vốn nhà nước hoãn khởi công mới, ngừng hoặc dẫn tiến độ triển khai trong năm 2008 là 1.968 dự án với tổng số vốn là 5.992 tỉ đồng. Các tập đoàn kinh tế nhà nước lại là những "dầu tàu" trong việc cắt giảm đầu tư. Theo kết quả rà soát, trong tổng số gần 30.000 tỉ đồng cắt giảm, nhiều tập đoàn, tổng công ty đã "mạnh tay" cắt tới trên 50% tổng vốn đầu tư. Những tập đoàn lớn như Vinashin cắt 65% (6.500 tỉ đồng); Tổng công ty Hàng hải cắt 52,36% - 6.214 tỉ đồng; Tập đoàn Dầu khí cắt 6.645 tỉ đồng; Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông cắt 1.868 tỉ đồng³... Khi lạm phát cao qua đi, giá xi măng, sắt thép giảm xuống, nhiều công trình không dễ gì khởi động trở lại. Suy giảm kinh tế là không tránh khỏi.

2. Một số kiến nghị

Chống suy giảm kinh tế đòi hỏi phải sử dụng đồng bộ nhiều giải pháp. Tuy nhiên, từ những nguyên nhân suy giảm kinh tế nêu trên, trước mắt cần tập trung vào những vấn đề sau:

Trước hết, phải chống những tác động xấu của khủng hoảng kinh tế thế giới. Chống buôn lậu qua biên giới, chống bán phá giá hàng hoá nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam cần phải được thực hiện kiên quyết, triệt để. Thị trường Việt Nam là quá nhỏ so với sản phẩm dư thừa của thế giới. Nếu giải pháp này không được quan tâm đầy đủ thì sản xuất trong nước không thể khôi phục, thậm chí còn nghiêm trọng hơn hiện nay. Không phải ngẫu nhiên, nhiều nước trên thế giới đang thực hiện

bảo hộ sản xuất trong nước. Cần phải làm tất cả những gì không trái với các cam kết và thông lệ quốc tế để bảo hộ sản xuất trong nước. Dự báo gần đây nhất, khả năng tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2009 sẽ chỉ từ -0,5% đến -1% (trong đó EU là -3,2% thay vì năm ngoái là tăng 0,9%, đặc biệt Nhật là -5,8%).⁴

Theo báo cáo của Bộ Thương mại Mỹ đưa ra hôm 26/3/2009, trong ba tháng cuối năm ngoái, tốc độ sụt giảm kinh tế nước này lớn hơn dự báo và ở mức tồi tệ nhất trong vòng 26 năm qua. Đây cũng là mức giảm lớn nhất trong một quý kể từ năm 1982. Báo cáo mà chính phủ Mỹ đưa ra thể hiện sự sụt giảm trong phần lớn các hoạt động kinh tế. Tiêu dùng giảm 4,3%, chỉ tiêu cho các hoá đơn giá trị lớn giảm tới 22%. Đầu tư vào nhà đất giảm 23%, đây là năm thứ ba liên tiếp chứng kiến sự sụt giảm trong lĩnh vực này. Đầu tư vào thiết bị và phần mềm giảm 28%, con số này với ngành xuất khẩu là 24%. Theo giới phân tích, các vấn đề kinh tế ở Mỹ chưa chấm dứt với báo cáo quý tư 2008 vừa đưa ra. Kết quả một cuộc thăm dò các nhà kinh tế cho thấy, dự báo mức sụt giảm GDP trong quý một năm nay là 5%, tiếp theo đó là con số sụt giảm 1,7% trong quý hai. Số người nộp đơn xin trợ cấp thất nghiệp ở Mỹ tuần trước đạt mức 652.000 người so với 644.000 người tuần trước đó. Tổng cộng hiện đã có 5,56 triệu người Mỹ xin trợ cấp thất nghiệp, cao hơn mức dự đoán 5,48 triệu người mà các nhà kinh tế đưa ra⁵.

Khủng hoảng kinh tế thế giới sẽ làm cho hoạt động xuất khẩu của Việt Nam gặp rất nhiều khó khăn. Để khắc phục khó khăn này, các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam trước hết phải có những phương thức hợp lý để duy trì các khách

hàng cũ. Điều này hoàn toàn khả thi đối với các doanh nghiệp xuất khẩu hàng hoá thiết yếu: lúa gạo, cao su, cà phê, hạt điều, thuỷ hải sản... Nhưng đối với các mặt hàng khác, đặc biệt là hàng hoá xa xỉ sẽ gặp nhiều khó khăn. Đẩy mạnh xuất khẩu là điều chúng ta mong muốn nhưng sẽ không dễ dàng. Do vậy, các doanh nghiệp cần đặc biệt quan tâm khai thác thị trường nội địa. Với gần 90 triệu dân, thị trường nội địa là đáng kể. Hơn lúc nào hết, khẩu hiệu “dùng hàng nội địa” là yêu nước cần được quảng bá và hỗ trợ mạnh mẽ của cả hệ thống chính trị.

Cần lưu ý nhận định rằng, giai đoạn khó khăn nhất của nền kinh tế thế giới đang còn ở phía trước, phải từ 2011, kinh tế thế giới mới có thể phục hồi. Như thế, Việt Nam phải quan tâm đến nhóm giải pháp này ít nhất là trong hai năm 2009 và 2010.

Thứ hai, chủ động xác lập các cân đối vĩ mô. Thực ra, “kích cung” hay “kích cầu” phải gắn với những điều kiện cụ thể và chỉ có ý nghĩa ngắn hạn vì các khâu, các lĩnh vực, các ngành, các thị trường bộ phận... có quan hệ với nhau rất chặt chẽ, tùy thuộc vào nhau. Do đó, nếu “kích sai” sẽ để lại những hậu quả không dễ khắc phục, ảnh hưởng đến phát triển bền vững. Hơn nữa, ổn định kinh tế vĩ mô là mục tiêu mà các chính phủ đều phải hướng tới.

Chủ động xác lập các cân đối vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, cần phải cân đối tổng cung - tổng cầu. Trong nền kinh tế toàn cầu hoá, các nguồn lực có thể dễ dàng di chuyển từ quốc gia này sang quốc gia khác. Hơn nữa, trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế toàn cầu, sự dư thừa các nguồn lực mang tính phổ biến. Do đó, cần coi trọng tổng cầu.

Kích cầu bằng những giải pháp tài chính - tiền tệ như hạ lãi suất, giảm thuế là cần thiết nhưng tác dụng rất hạn chế. Nguyên nhân là suy giảm kinh tế đã làm cho mức thu nhập của dân cư (cầu tiêu dùng) suy giảm. Nếu doanh nghiệp mở rộng quy mô sản xuất nhưng người dân không có tiền mua, hàng hoá không bán được thì sẽ thêm khó khăn cho doanh nghiệp. Do đó, đi liền với hỗ trợ lãi suất, giảm thuế cho doanh nghiệp phải là các giải pháp tạo thu nhập cho người dân.

Để tạo thu nhập cho người dân, trước hết phải tạo việc làm cho họ. Theo lý thuyết J. Keynes, đầu tư nhà nước vào xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng sẽ tác động mạnh mẽ tới tạo việc làm, tức là làm tăng cầu tiêu dùng, đồng thời sẽ làm tăng cầu đầu tư (do tác động lan tỏa), tức là kích thích đầu tư tư nhân. Do vậy, đầu tư nhà nước vào xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng: làm đường, làm cầu, xây dựng sân bay, bến cảng, hệ thống điện, nước... theo quy hoạch phải được coi là *khâu đột phá* trong kích cầu ở Việt Nam hiện nay. Khi đầu tư nhà nước làm tăng đầu tư tư nhân, giải pháp tài chính - tiền tệ: hạ lãi suất, hỗ trợ lãi suất, giảm thuế... sẽ phát huy tác dụng thực sự.

Chủ động xác lập các cân đối vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, còn phải hết sức chú ý thực hiện cân đối liên ngành. Điều này xuất phát từ mối quan hệ chặt chẽ giữa các ngành cả về giá trị, cả về hiện vật; đầu ra của ngành này lại là đầu vào của ngành khác. Một ngành, lĩnh vực nào đó không được đầu tư đúng mức hoặc đầu tư quá mức cần thiết đều ảnh hưởng xấu đến nền kinh tế. Chẳng hạn, nếu tập trung đầu tư cho các công trình kết cấu hạ tầng mà không chú ý đúng mức đến các ngành liên quan như sản xuất xi măng,

sắt thép... có thể tạo ra các “cơn sốt” xi măng, sắt thép. Điều này ảnh hưởng xấu đến chính lĩnh vực nhà nước ưu tiên và nền kinh tế như thế nào, mọi người đều đã biết. Bởi vậy, chính phủ cần hết sức chú ý đến cơ cấu đầu tư.

Chủ động xác lập các cân đối vĩ mô còn là duy trì cân bằng giữa các thị trường: thị trường hàng hoá, dịch vụ; thị trường chứng khoán; thị trường bất động sản; thị trường tiền tệ... Sự mất cân bằng giữa các thị trường này (quá “nóng” hoặc “đóng băng”) đều ảnh hưởng xấu đến nền kinh tế. Do vậy, hoạt động điều hành kinh tế vĩ mô của chính phủ để duy trì sự cân bằng giữa các thị trường đặc biệt quan trọng trong giai đoạn hiện nay.

Thứ ba, giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông thôn, nông dân. Trong những năm vừa qua, bên cạnh những thành tựu quan trọng mà nông nghiệp đã đạt được, những yếu kém của nông nghiệp cũng đang được bộc lộ: tốc độ tăng trưởng nông nghiệp có xu hướng giảm dần, sức cạnh tranh thấp, chưa phát huy tốt các nguồn lực; chuyển dịch cơ cấu và đổi mới cách thức sản xuất còn chậm, phổ biến vẫn là sản xuất nhỏ; công nghiệp, dịch vụ nông thôn phát triển chậm, chưa thúc đẩy mạnh mẽ chuyển dịch cơ cấu kinh tế và lao động ở nông thôn; kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội nông thôn còn yếu kém, năng lực thích ứng, đối phó với thiên tai thấp; đời sống vật chất và tinh thần của một bộ phận cư dân nông thôn còn rất thấp, chênh lệch giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng còn lớn, tỷ lệ hộ nghèo còn cao; phát sinh một số vấn đề xã hội bức xúc...

Hiện nay, gần 70% dân cư Việt Nam sống ở nông thôn; ở những khu vực đang được đô thị hóa và công nghiệp hóa, đời sống của người dân đã được nâng lên đáng

kể, tức là cầu về hàng hoá, dịch vụ của người dân nông thôn cũng rất đa dạng: cầu tiêu năng cả về tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng đều rất lớn. Một nghiên cứu mới nhất của Công ty Nghiên cứu thị trường TNS về thị trường nông thôn Việt Nam cho thấy, có tới 95% gia đình nông thôn được hỏi cho biết sẵn sàng mua tivi, 92% có thể mua bếp điện hoặc gas, 33% có thể mua máy cassette/radio, 30% muốn mua tủ lạnh, máy giặt và 9% muốn mua máy vi tính... Theo ông Matthaes (Công ty TNS), vùng nông thôn đang giữ 62,5% tổng GDP và có số lượng khách hàng sẵn sàng tiêu dùng nhiều gấp 3 lần khu vực thành thị. Các con số thống kê riêng lẻ cũng cho thấy, hiện số người có thu nhập trên 1,5 triệu đồng/tháng ở nông thôn ngày càng tăng, do đó nhu cầu mua sắm thực phẩm, nhu yếu phẩm cũng tăng theo. Chính vì lý do trên, nhiều chuyên gia cho rằng, cần thay đổi quan niệm thị trường nông thôn chỉ dành cho các sản phẩm rẻ tiền và mãi lực yếu kém, mà người dân ở đây cũng đang có nhu cầu tiêu dùng hàng chất lượng cao. Theo thống kê của Trung tâm Nghiên cứu và Hỗ trợ doanh nghiệp, thị trường nông thôn Việt Nam đang chiếm 70% lượng tiêu thụ hàng hóa nói chung, số hộ gia đình và số lượng các cửa hàng bán lẻ cũng phân bố tập trung ở vùng nông thôn với 70%.⁶ Do đó, giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông thôn, nông dân không chỉ góp phần chống suy giảm kinh tế, mà còn có ý nghĩa to lớn cả về chính trị, xã hội.

Để giải quyết các vấn đề này, nhà nước có thể sử dụng nhiều giải pháp. Chính phủ đã chỉ đạo các cơ quan lương thực phải mua hết lúa gạo trong dân và bảo đảm nông dân lãi tối thiểu là 30%; cho nông dân vay vốn với lãi suất ưu đãi để sản xuất và tiêu dùng, hỗ trợ tiền tết cho hộ

nghèo... là hoàn toàn đúng đắn. Cần có nhiều hình thức hỗ trợ nông dân hơn nữa. Chẳng hạn, tổ chức các kênh phân phối hợp lý hơn, bán trả chậm hoặc bán chịu cho nông dân; nhà nước hỗ trợ để nông dân có thể mua hàng giá rẻ... Những giải pháp này không chỉ có tác dụng hỗ trợ nông dân, mà còn tác động tích cực đến giải quyết khó khăn cho các doanh nghiệp công, thương nghiệp.

Tuy nhiên, giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông thôn, nông dân không chỉ phải chú ý đến những vấn đề trước mắt, mà còn phải chú ý cả những vấn đề lâu dài, theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy BCH TƯ Đảng Cộng sản Việt Nam khoá X tháng 7/2007. *Trước hết*, phải duy trì tốc độ tăng trưởng cao và ổn định của sản xuất nông nghiệp. Muốn vậy, phải đẩy mạnh quy hoạch và đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng trong nông nghiệp: phân vùng, xây dựng các vùng chuyên canh; xây dựng hệ thống thủy lợi, hồ chứa nước, giao thông nông thôn; đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ... *Hai là*, quan tâm hơn nữa giải quyết các vấn đề xã hội ở nông thôn. Bên cạnh hoạt động xoá đói, giảm nghèo, việc thực hiện quy chế dân chủ ở nông thôn có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. *Ba là*, xây dựng một nền nông nghiệp sạch, bảo vệ môi trường. Những giải pháp này giúp nông nghiệp Việt Nam phát triển bền vững; nâng cao khả năng cạnh tranh. Từ đó nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho cư dân nông thôn; tác động tích cực đến các ngành kinh tế khác và đến toàn bộ nền kinh tế.

Thứ tư, đổi mới công nghệ. Lý thuyết và thực tế cho thấy, để thoát khỏi khủng hoảng kinh tế, các doanh nghiệp đều phải hạ thấp chi phí sản xuất. Để làm được điều đó, giải pháp quan trọng nhất doanh

nh nghiệp phải thực hiện là đổi mới công nghệ. Doanh nghiệp nào không thực hiện được điều đó khó tránh khỏi bị phá sản. Chính vì vậy, sau mỗi lần khủng hoảng, trình độ công nghệ của các doanh nghiệp đều được nâng lên. Nếu không đổi mới được công nghệ, sau khi thế giới ra khỏi khủng hoảng, trình độ công nghệ của doanh nghiệp Việt Nam sẽ bị tụt hậu nghiêm trọng hơn. Bởi vậy, nhóm giải pháp này có ý nghĩa cả trước mắt và lâu dài. Nhưng đổi mới công nghệ lại không dễ dàng với doanh nghiệp vì thiếu vốn, hiểu biết và khả năng tiếp cận tiến bộ khoa học - công nghệ còn hạn chế... Do đó, sự hỗ trợ của nhà nước là rất cần thiết.

Để thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới công nghệ, *trước hết*, nhà nước tạo sức ép đổi mới và ứng dụng khoa học và công nghệ trong các doanh nghiệp nhà nước bằng cách xoá bỏ bao cấp. Tiếp tục đẩy nhanh quá trình cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước. Gắn quá trình này với việc phát triển thị trường chứng khoán. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đã được cổ phần phát hành cổ phiếu trên thị trường chứng khoán để huy động vốn, đổi mới công nghệ. Nhà nước nên ưu tiên đầu tư cho những ngành công nghiệp mũi nhọn để phát triển những sản phẩm khoa học - công nghệ đủ sức cạnh tranh với các sản phẩm cùng loại trong khu vực và trên thế giới. Các doanh nghiệp lớn, các tập đoàn kinh tế nhà nước cần có chiến lược phát triển và chuyển giao công nghệ cho riêng mình. Tạo lập môi trường và có lộ trình phù hợp để các doanh nghiệp nhà nước cạnh tranh thật sự bình đẳng với các doanh nghiệp khác trong và ngoài nước. Tăng cường sự hỗ trợ của nhà nước (không phân biệt doanh nghiệp nhà nước hay doanh nghiệp tư nhân) bằng các cơ chế

khuyến khích và ràng buộc như: miễn, giảm thuế cho doanh nghiệp khi đầu tư đổi mới khoa học - công nghệ; cho vay và hỗ trợ lãi suất để đổi mới khoa học - công nghệ... Hai là, tăng cường sự liên kết trong đầu tư, đổi mới khoa học - công nghệ, thương mại hoá sản phẩm khoa học - công nghệ, ứng dụng chúng vào sản xuất kinh doanh, thông qua mối liên kết giữa 4 nhà: nhà nước - nhà khoa học - nhà doanh nghiệp - nhà bank, trong đó nhà nước (thông qua các cơ quan chức năng) là người kết nối ba nhà còn lại. Nhà nước có thể tổ chức cho các nhà doanh nghiệp tham quan các viện nghiên cứu, các trường đại học có những công nghệ mới muốn chuyển giao cho doanh nghiệp hoặc các doanh nghiệp đã áp dụng thành công các công nghệ mới, các phương pháp quản lý tiên tiến; tổ chức các hội chợ, triển lãm, các buổi hội thảo về đổi mới công nghệ; xây dựng các trung tâm giao dịch phát minh, sáng chế khoa học - công nghệ; cung cấp thông tin về công nghệ và tình hình ứng dụng khoa học - công nghệ trên thế giới cho các chuyên gia cố vấn kỹ thuật, các doanh nghiệp có nhu cầu... Khi doanh nghiệp có nhu cầu vay vốn để đổi mới công nghệ, nhà nước cần hỗ trợ để nhà doanh nghiệp có thể tìm kiếm nguồn vốn từ ngân hàng hoặc các tổ chức tài chính khác. Ba là, đẩy mạnh đổi mới cơ chế quản lý hoạt động khoa học - công nghệ và cơ chế hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ. Về nguyên tắc, các tổ chức nghiên cứu, cung ứng dịch vụ khoa học - công nghệ phải hoạt động theo cơ chế thị trường nhằm tăng cường sự năng động, sáng tạo và tự chủ; nhà nước tạo lập môi trường để các cơ quan khoa học - công nghệ hoạt động hiệu quả, doanh nghiệp đổi mới được công nghệ và chỉ làm những gì các chủ thể này không làm được...

Những nhóm giải pháp chống suy giảm kinh tế trên đây hoàn toàn nằm trong khả năng của chính phủ. Chắc chắn nền kinh tế nước ta sẽ sớm vượt qua giai đoạn khó khăn này.

Chú thích:

¹<http://www.cand.com.vn/viVN/kinhte/2009/3/110567>.

²<http://www.atpvietnam.com/vn/thongtinnganh/28112/index.26/3/2009>.

³ <http://ncseif.gov.vn> (Trung tâm thông tin và Dự báo kinh tế - xã hội Quốc gia - Bộ Kế hoạch và đầu tư), ngày 24/07/2008.

⁴<http://www.tienphong.vn/Tianyon/Index.25/03/2009>.

⁵ <http://vietnam.vn> 26/03/2009.

⁶<http://www16.24h.com.vn/news/detail>.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng cộng sản Việt Nam: *Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy BCH TƯ* khoá X tháng 7/2007.

2. J. M. Keynes: *Lý thuyết tổng quát về việc làm, lãi suất và tiền tệ*. Nxb Giáo dục - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Hà Nội - 1994.

3. <http://www.tienphong.vn/Tianyon/Index.25/03/2009>.

4. <http://vietnam.vn> 26/03/2009.

5. <http://www.cand.com.vn/viVN/kinhte/2009/3/110567>.

6. <http://ncseif.gov.vn> (Trung tâm thông tin và Dự báo kinh tế - xã hội Quốc gia - Bộ Kế hoạch và đầu tư), ngày 24/07/2008.

7. <http://www.atpvietnam.com/vn/thongtinnganh/28112/index.26/3/2009>.

8. <http://www16.24h.com.vn/news/detail>. 2/4/2009.